

LỜI GIỚI THIỆU

Bản tin pháp luật tháng 3/2025 gồm 3 phần chính:

- **Phần 1:** Các quy định của Tập đoàn đã ban hành.

- **Phần 2:** Dự thảo văn bản quy phạm pháp luật của các Bộ đang lấy ý kiến; Trách nhiệm đơn vị nghiên cứu, xem xét có ý kiến khi nhận được yêu cầu góp ý của Bộ.

- **Phần 3:** Các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Tập đoàn:

a. Tóm tắt, nhấn mạnh một số nội dung văn bản quy phạm pháp luật liên quan đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Tập đoàn cần lưu ý.

b. Trách nhiệm các đơn vị tổ chức triển khai văn bản quy phạm pháp luật.

Ban Pháp chế - Thanh tra trân trọng giới thiệu tới các đơn vị, cá nhân của Tập đoàn.

Lưu ý: Bản tin chỉ trích dẫn một số nội dung của văn bản quy phạm pháp luật, để hiểu đầy đủ và chính xác quy định pháp luật, đề nghị các đơn vị, cá nhân tìm đọc chi tiết toàn văn văn bản.

LƯU HÀNH NỘI BỘ

Phần 1: Các quy định của Tập đoàn đã ban hành

Quy trình kiểm toán nội bộ của Tập đoàn Bưu chính Viễn thông Việt Nam ban hành kèm Quyết định số 14/QĐ-VNPT-HĐTV-KSNB ngày 26/02/2025 (số eoffice: 116117).

Phần 2: Các dự thảo văn bản quy phạm pháp luật (VBQPPL) của các Bộ đang lấy ý kiến

STT	Tên Dự thảo	Ngày lấy ý kiến	Trách nhiệm nghiên cứu
BỘ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ			
1	Dự thảo Thông tư quy định Danh mục sản phẩm, hàng hóa có khả năng gây mất an toàn thuộc trách nhiệm quản lý của Bộ Thông tin và Truyền thông	Ngày bắt đầu 11/02/2025 Ngày hết hạn 11/4/2025	Ban Công nghệ (Tập đoàn)
BỘ TÀI CHÍNH			
1	Dự thảo Thông tư Thông tư sửa đổi, bổ sung một số điều tại Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/4/2013 của Bộ Tài chính về hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định	Ngày bắt đầu 28/02/2025 Ngày hết hạn 28/3/2025	Ban Kế toán – Tài chính (Tập đoàn)
2	Dự thảo Thông tư quy định về quyết toán vốn đầu tư dự án hoàn thành sử dụng vốn nhà nước ngoài vốn đầu tư công	Ngày bắt đầu 21/02/2025 Ngày hết hạn 21/3/2025	Ban Kế toán – Tài chính, Kế hoạch – Đầu tư (Tập đoàn)
3	Dự thảo Tờ trình Chính phủ và Nghị định Gia hạn thời hạn nộp thuế giá trị gia tăng, thuế thu nhập doanh nghiệp, thuế thu nhập cá nhân và tiền thuê đất trong năm 2025	Ngày bắt đầu 18/02/2025 Ngày hết hạn 18/3/2025	Ban Kế toán – Tài chính (Tập đoàn)
BỘ CÔNG AN			
1	Dự thảo Quyết định ban hành Danh mục dữ liệu quan trọng, dữ liệu cốt lõi	Ngày bắt đầu 24/01/2025 Ngày hết hạn	Ban Công nghệ (Tập đoàn)

		24/3/2025	
2	Dự thảo Nghị định quy định về Quỹ Phát triển dữ liệu quốc gia	Ngày bắt đầu 17/01/2025 Ngày hết hạn 17/3/2025	Ban Công nghệ (Tập đoàn)
3	Dự thảo Nghị định quy định chi tiết và biện pháp thi hành Luật Dữ liệu	Ngày bắt đầu 17/01/2025 Ngày hết hạn 17/3/2025	Ban Công nghệ (Tập đoàn)
4	Dự thảo Nghị định quy định hoạt động khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và sản phẩm, dịch vụ về dữ liệu	Ngày bắt đầu 17/01/2025 Ngày hết hạn 17/3/2025	Ban Công nghệ (Tập đoàn)

Đơn vị/cá nhân có góp ý đối với các Dự thảo đang được lấy ý kiến, xin gửi về Ban Pháp chế - Thanh tra (hoabq@vnpt.vn) để tổng hợp.

Phần 3: Các VBQPPL liên quan đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Tập đoàn

1. Nghị quyết số 193/2025/QH15 ngày 19/02/2025 của Quốc hội về thí điểm một số cơ chế, chính sách đặc biệt tạo đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia

Nghị quyết có hiệu lực thi hành kể từ ngày 19/02/2025.

a. Tóm tắt, nhấn mạnh một số nội dung VBQPPL tác động đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Tập đoàn cần lưu ý

Phạm vi điều chỉnh

Nghị quyết quy định thí điểm một số cơ chế, chính sách đặc biệt tạo đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia.

Đối tượng áp dụng

Nghị quyết áp dụng đối với tổ chức, cá nhân trong nước; tổ chức, cá nhân nước ngoài tham gia hoạt động khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia tại Việt Nam và tổ chức, cá nhân khác có liên quan.

Chấp nhận rủi ro trong nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ

- Tổ chức, cá nhân hoạt động nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ được miễn trách nhiệm dân sự khi gây ra thiệt hại cho Nhà nước trong quá trình thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ sử dụng ngân sách nhà nước khi đã thực hiện đầy đủ các quy trình, quy định liên quan trong quá trình triển khai thực hiện hoạt động nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ.

- Tổ chức chủ trì thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ sử dụng ngân sách nhà nước trong quá trình triển khai đã thực hiện đầy đủ các quy định về quản lý nhiệm vụ khoa học và công nghệ, quy trình và nội dung nghiên cứu đã được thuyết minh nhưng không đi đến kết quả như dự kiến thì không phải hoàn trả lại kinh phí đã sử dụng.

Chỉ định thầu các dự án chuyển đổi số

Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, cơ quan khác ở Trung ương, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh được áp dụng hình thức chỉ định thầu theo quy định của pháp luật về đấu thầu đối với các gói thầu có thời gian lựa chọn nhà thầu trong giai đoạn 2025 - 2026 thuộc các nhiệm vụ, dự án, hoạt động thuê dịch vụ công nghệ thông tin, chuyển đổi số để triển khai, xây dựng các nội dung sau đây:

- Cơ sở dữ liệu tổng hợp quốc gia, cơ sở dữ liệu quốc gia, cơ sở dữ liệu dùng chung của Bộ, ngành, địa phương.

- Các nền tảng số, hệ thống thông tin quy mô quốc gia, quy mô vùng quy định tại khoản 1 Điều này.

- Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính cấp bộ, cấp tỉnh.

- Trung tâm giám sát, điều hành thông minh.

- Cổng dịch vụ công quốc gia.

- Đề án phát triển ứng dụng dữ liệu về dân cư, định danh và xác thực điện tử phục vụ chuyển đổi số quốc gia giai đoạn 2022 - 2025, tầm nhìn đến năm 2030.

- Dự án công nghệ thông tin, chuyển đổi số khác theo yêu cầu tại nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Chính phủ, quyết định của Thủ tướng Chính phủ.

Hỗ trợ tài chính cho doanh nghiệp triển khai nhanh 5G

Ngân sách nhà nước hỗ trợ doanh nghiệp triển khai nhanh hạ tầng mạng 5G toàn quốc được quy định như sau:

- Doanh nghiệp viễn thông triển khai nhanh hạ tầng mạng 5G phải đạt tối thiểu 20.000 trạm phát sóng 5G được nghiệm thu đưa vào sử dụng từ ngày Nghị quyết này có hiệu lực thi hành đến hết ngày 31/12/2025.

- Tổng số tiền hỗ trợ doanh nghiệp viễn thông quy định tại khoản 1 Điều này không vượt quá tổng số tiền trúng đấu giá của các cuộc đấu giá quyền sử dụng tần số vô tuyến điện thực hiện trong năm 2024.

- Mức hỗ trợ một trạm phát sóng 5G là 15% chi phí thiết bị bình quân cho một trạm phát sóng 5G được mua trong năm 2025 của các doanh nghiệp viễn thông được hỗ trợ.

Chính sách phát triển các tuyến cáp viễn thông kết nối quốc tế trên biển do doanh nghiệp viễn thông Việt Nam tham gia góp vốn hoặc là chủ đầu tư

- Cho phép cấp phê duyệt chủ trương đầu tư quyết định việc sử dụng hình thức chỉ định thầu để thực hiện các gói thầu thuộc dự án đầu tư các tuyến cáp viễn thông kết nối quốc tế trên biển có trạm cập bờ tại Việt Nam triển khai trong giai đoạn 2025 - 2030 để đáp ứng kịp thời yêu cầu phát triển hạ tầng viễn thông của doanh nghiệp.

- Trong trường hợp không sử dụng hình thức chỉ định thầu, việc lựa chọn nhà thầu để triển khai dự án đầu tư được thực hiện theo thông lệ quốc tế được các bên thống nhất hoặc ký kết giữa doanh nghiệp viễn thông Việt Nam và tổ chức nước ngoài là thành viên góp vốn đầu tư xây dựng tuyến cáp quang biển quốc tế.

Thí điểm có kiểm soát dịch vụ viễn thông sử dụng công nghệ vệ tinh quỹ đạo tầm thấp

- Thử nghiệm cung cấp dịch vụ viễn thông bằng vệ tinh tầm thấp trong tối đa 5 năm (kết thúc trước năm 2031).

- Không giới hạn tỷ lệ sở hữu của nhà đầu tư nước ngoài trong lĩnh vực này.

- Bộ Khoa học và Công nghệ cấp giấy phép kinh doanh dịch vụ viễn thông cho doanh nghiệp, Bộ Quốc phòng, Bộ Công an giám sát để đảm bảo an ninh.

Hỗ trợ tài chính xây dựng nhà máy sản xuất chip bán dẫn

- Nhà nước hỗ trợ 30% tổng mức đầu tư (tối đa 10.000 tỷ đồng) cho doanh nghiệp xây nhà máy sản xuất chip đầu tiên trước ngày 31/12/2030.
- Hằng năm, Doanh nghiệp được phép trích lập 10-20% thu nhập tính thuế thu nhập doanh nghiệp cho Quỹ phát triển khoa học và công nghệ của doanh nghiệp để chuẩn bị và thực hiện dự án.
- Được giao đất không qua đấu giá quyền sử dụng đất, không đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư thực hiện dự án có sử dụng đất.

b. Trách nhiệm tổ chức triển khai VBQPPL

Các Ban Tập đoàn, VNPT tỉnh/thành phố, VNPT-Net, VNPT-IT, VNPT-Vinaphone, VNPT-Media nghiên cứu, thực hiện.

2. Nghị định số 17/2025/NĐ-CP ngày 06/02/2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Đấu thầu

Nghị định có hiệu lực thi hành kể từ ngày 06/02/2025.

a. Tóm tắt, nhấn mạnh một số nội dung VBQPPL tác động đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Tập đoàn cần lưu ý

Về lựa chọn nhà đầu tư

Bổ sung cơ chế lựa chọn nhà đầu tư trong trường hợp đặc biệt (thực hiện theo quy định tương ứng tại Nghị định của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà đầu tư thực hiện dự án đầu tư có sử dụng đất).

Về lựa chọn nhà thầu

Bổ sung quy định về xử lý vi phạm của nhà thầu: Nếu không hoàn thành nghĩa vụ tài chính, tài khoản nhà thầu sẽ bị tạm ngừng giao dịch trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia.

Về các quy định tài chính và hợp đồng

- Bổ sung quy định về lương chuyên gia tư vấn: Mức lương của chuyên gia trong nước sẽ do bộ quản lý ngành, lĩnh vực ban hành để làm cơ sở xác định giá gói thầu.

- Bổ sung quy định về việc không thực hiện bảo đảm dự thầu, bảo đảm hợp đồng hoặc việc từ chối hoặc không xác nhận về việc chấp thuận được trao hợp đồng để đánh giá uy tín của nhà thầu trong việc tham dự thầu.

- Đơn giản hóa thủ tục phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu (không cần thẩm định trong một số trường hợp).

Về minh bạch và giám sát đấu thầu

- Tăng cường giám sát đấu thầu qua Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia.
- Công khai danh sách nhà thầu vi phạm hoặc không đảm bảo uy tín.
- Yêu cầu rõ ràng về tiêu chí đánh giá nhà thầu.

b. Trách nhiệm tổ chức triển khai VBQPPL

Văn phòng Tập đoàn, Ban Kế hoạch – Đầu tư, Phát triển thị trường (Tập đoàn), VNPT-IT, VNPT-Net, VNPT tỉnh/thành phố, VNPT-Vinaphone, VNPT-Media, Focal nghiên cứu, thực hiện.

3. Nghị định số 23/2025/NĐ-CP ngày 21/02/2025 của Chính phủ quy định về chữ ký điện tử và dịch vụ tin cậy

Nghị định có hiệu lực thi hành kể từ ngày 10/4/2025 và thay thế Nghị định số 130/2018/NĐ-CP ngày 27/9/2018 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật Giao dịch điện tử về chữ ký số và dịch vụ chứng thực chữ ký số và Nghị định số 48/2024/NĐ-CP ngày 09/5/2024 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 130/2018/NĐ-CP ngày 27/9/2018 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật Giao dịch điện tử về chữ ký số và dịch vụ chứng thực chữ ký số, trừ trường hợp quy định tại Điều 47 của Nghị định này.

a. Tóm tắt, nhấn mạnh một số nội dung VBQPPL tác động đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Tập đoàn cần lưu ý

Phạm vi điều chỉnh

Nghị định quy định về chữ ký điện tử và dịch vụ tin cậy, trừ chữ ký số chuyên dùng công vụ và dịch vụ chứng thực chữ ký số chuyên dùng công vụ.

Đối tượng áp dụng

Nghị định áp dụng đối với cơ quan, tổ chức, cá nhân tham gia trực tiếp hoặc có liên quan đến chữ ký điện tử và dịch vụ tin cậy.

Chứng thư chữ ký điện tử

Chứng thư chữ ký điện tử được phân loại như sau:

- Chứng thư chữ ký số gốc của tổ chức cung cấp dịch vụ chứng thực điện tử quốc gia là chứng thư chữ ký số do tổ chức cung cấp dịch vụ chứng thực điện tử quốc gia tự cấp cho mình tương ứng với từng loại dịch vụ tin cậy.

- Chứng thư chữ ký số của tổ chức cung cấp dịch vụ tin cậy là chứng thư chữ ký số do tổ chức cung cấp dịch vụ chứng thực điện tử quốc gia cấp cho tổ chức cung cấp dịch vụ tin cậy tương ứng với từng loại dịch vụ tin cậy, bao gồm: chứng thư chữ ký số cho dịch vụ cấp dấu thời gian, chứng thư chữ ký số cho dịch vụ chứng thực thông điệp dữ liệu, chứng thư chữ ký số cho dịch vụ chứng thực chữ ký số công cộng.

- Chứng thư chữ ký số công cộng là chứng thư chữ ký số do tổ chức cung cấp dịch vụ chứng thực chữ ký số công cộng cấp cho thuê bao.

- Chứng thư chữ ký điện tử chuyên dùng là chứng thư chữ ký điện tử do cơ quan, tổ chức tạo lập chữ ký điện tử chuyên dùng cấp.

Thời hạn có hiệu lực của chứng thư chữ ký điện tử, chứng thư chữ ký số

- Thời hạn có hiệu lực của chứng thư chữ ký số gốc của tổ chức cung cấp dịch vụ chứng thực điện tử quốc gia là 25 năm.

- Thời hạn có hiệu lực của chứng thư chữ ký số của tổ chức cung cấp dịch vụ tin cậy:

 - + Chứng thư chữ ký số cho dịch vụ cấp dấu thời gian có hiệu lực tối đa là 05 năm;

 - + Chứng thư chữ ký số cho dịch vụ chứng thực thông điệp dữ liệu có hiệu lực tối đa là 05 năm;

 - + Chứng thư chữ ký số cho dịch vụ chứng thực chữ ký số công cộng có hiệu lực tối đa là 10 năm.

- Thời hạn có hiệu lực của chứng thư chữ ký số công cộng tối đa là 03 năm.

- Thời hạn có hiệu lực của chứng thư chữ ký điện tử chuyên dùng trong trường hợp chữ ký điện tử chuyên dùng được bảo đảm bởi chứng thư chữ ký điện tử chuyên dùng là 10 năm.

Đề nghị phát hành chứng thư chữ ký số công cộng

Tổ chức, cá nhân lập 01 bộ hồ sơ theo quy định tại Điều 34 của Nghị định nộp trực tiếp hoặc gửi qua đường bưu chính hoặc phương tiện điện tử đến tổ chức cung cấp dịch vụ chứng thực chữ ký số công cộng. Trường hợp phát hành chứng thư chữ ký số công cộng bằng phương thức điện tử được thực hiện theo quy định tại Điều 36 của Nghị định. Tổ chức cung cấp dịch vụ chứng thực chữ ký số công cộng được quyết định biện pháp, hình thức, công nghệ để nhận biết và xác minh tổ chức, cá nhân phục vụ việc phát hành chứng thư chữ ký số công cộng bằng phương thức điện tử.

Trách nhiệm cung cấp thông tin của tổ chức cung cấp dịch vụ chứng thực chữ ký số công cộng

- Công bố thông tin:

Công khai và duy trì thông tin 24 giờ trong ngày và 07 ngày trong tuần trên trang thông tin điện tử của mình những thông tin sau:

- + Quy chế chứng thực và chứng thư chữ ký số của mình;
- + Danh sách chứng thư số công cộng có hiệu lực, bị tạm dừng, bị thu hồi của thuê bao;
- + Những thông tin cần thiết theo quy định của pháp luật.

- Cập nhật thông tin:

Cập nhật các thông tin quy định tại khoản 1 Điều này trong vòng 24 giờ khi có thay đổi.

- Cung cấp thông tin:

Cung cấp trực tuyến theo thời gian thực cho tổ chức cung cấp dịch vụ chứng thực điện tử quốc gia thông tin về số lượng chứng thư chữ ký số công cộng đang có hiệu lực, bị tạm dừng, bị thu hồi để phục vụ công tác quản lý nhà nước về dịch vụ chứng thực chữ ký số công cộng.

- Lưu trữ thông tin:

+ Bảo đảm các điểm tiếp nhận, phần mềm, ứng dụng đề nghị phát hành chứng thư chữ ký số công cộng tuân thủ đầy đủ các quy định về xác thực và lưu trữ thông tin thuê bao; hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về việc thông tin thuê bao được xác thực, lưu trữ, quản lý đúng quy định tại các điểm tiếp nhận, phần mềm, ứng dụng đề nghị phát hành chứng thư chữ ký số công cộng;

+ Xây dựng hệ thống thông tin cung cấp dịch vụ tin cậy, cơ sở dữ liệu thông tin thuê bao tập trung để nhập, lưu trữ, quản lý thông tin trong suốt thời gian sử dụng dịch vụ của thuê bao.

+ Kết nối cơ sở dữ liệu thông tin thuê bao tập trung của tổ chức với Cơ sở dữ liệu của Bộ Thông tin và Truyền thông để phục vụ công tác quản lý nhà nước về giao dịch điện tử; kết nối với Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư để tham chiếu, xác thực thông tin thuê bao bảo đảm được định danh đúng chủ thể và thực hiện xác thực danh tính theo quy định của pháp luật về định danh và xác thực điện tử;

+ Cung cấp đầy đủ thông tin; chứng minh thông tin thuê bao trong cơ sở dữ liệu tập trung của tổ chức đã được đối chiếu, xác thực, nhập, lưu trữ, quản lý theo quy định của pháp luật.

b. Trách nhiệm tổ chức triển khai VBQPPL

Ban Chiến lược sản phẩm (Tập đoàn), VNPT-IT, VNPT-Vinaphone nghiên cứu, thực hiện.

4. Nghị định số 44/2025/NĐ-CP ngày 28/02/2025 của Chính phủ quản lý lao động, tiền lương, thù lao, tiền thưởng trong doanh nghiệp nhà nước

Nghị định có hiệu lực thi hành từ ngày 15/4/2025. Các chế độ quy định tại Nghị định được thực hiện từ ngày 01/01/2025.

a. Tóm tắt, nhấn mạnh một số nội dung VBQPPL tác động đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Tập đoàn cần lưu ý

Phạm vi điều chỉnh

Nghị định quy định về quản lý lao động, tiền lương, thù lao, tiền thưởng trong doanh nghiệp nhà nước, bao gồm:

- Doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ theo quy định tại khoản 2 Điều 88 Luật Doanh nghiệp.

- Doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ trên 50% vốn điều lệ hoặc tổng số cổ phần có quyền biểu quyết theo quy định tại khoản 3 Điều 88 Luật Doanh nghiệp. Các doanh nghiệp quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này sau đây gọi chung là doanh nghiệp.

Đối tượng áp dụng

- Người lao động làm việc theo hợp đồng lao động; người lao động là sĩ quan, quân nhân chuyên nghiệp, công nhân, viên chức quốc phòng, sĩ quan, hạ sĩ quan, công nhân công an, người làm công tác cơ yếu.

- Tổng giám đốc, Giám đốc, Phó Tổng giám đốc, Phó giám đốc, Kế toán trưởng (sau đây gọi chung là Ban điều hành).

- Chủ tịch và thành viên Hội đồng thành viên hoặc Chủ tịch công ty, Chủ tịch và thành viên Hội đồng quản trị, không bao gồm thành viên độc lập Hội đồng quản trị (sau đây gọi chung là Thành viên hội đồng).

- Trưởng Ban kiểm soát, Kiểm soát viên, thành viên Ban kiểm soát (sau đây gọi chung là Kiểm soát viên).

- Người đại diện phần vốn nhà nước đầu tư tại doanh nghiệp và cơ quan đại diện chủ sở hữu theo quy định của Luật quản lý, sử dụng vốn nhà nước đầu tư vào sản xuất, kinh doanh tại doanh nghiệp.

- Cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan đến việc thực hiện các quy định tại Nghị định này.

Nguyên tắc quản lý lao động, tiền lương, thù lao, tiền thưởng

- Lao động, tiền lương, thù lao, tiền thưởng trong doanh nghiệp được xác định gắn với nhiệm vụ, năng suất lao động và hiệu quả sản xuất, kinh doanh, phù hợp với ngành nghề, tính chất hoạt động của doanh nghiệp, hướng đến bảo đảm mặt bằng tiền lương trên thị trường; thực hiện cơ chế tiền lương phù hợp để doanh nghiệp thu hút, khuyến khích đội ngũ nhân lực công nghệ cao thuộc các lĩnh vực công nghệ cao được Nhà nước ưu tiên phát triển.

- Nhà nước thực hiện quản lý lao động, tiền lương, tiền thưởng đối với doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ thông qua giao nhiệm vụ, trách nhiệm cho cơ quan đại diện chủ sở hữu và người đại diện chủ sở hữu trực tiếp tại doanh nghiệp.

- Căn cứ quy định tại Nghị định này, pháp luật về lao động, việc làm, Điều lệ hoạt động và chiến lược, kế hoạch sản xuất, kinh doanh, doanh nghiệp quyết định việc tuyển dụng, sử dụng lao động, xây dựng thang lương, bảng lương, định mức lao động, xác định quỹ tiền lương, tiền thưởng và trả lương, thưởng cho người lao động theo vị trí chức danh hoặc công việc, bảo đảm trả lương, thưởng thỏa đáng, không hạn chế mức tối đa đối với chuyên gia, người có tài năng, có trình độ chuyên môn, kỹ thuật cao, đóng góp nhiều cho doanh nghiệp.

- Thực hiện tách bạch tiền lương, thù lao của Thành viên hội đồng, Kiểm soát viên với tiền lương của Ban điều hành, trong đó:

+ Đối với Ban điều hành, tiền lương được tính chung với quỹ tiền lương của người lao động. Tiền lương chi trả cho Ban điều hành gắn với hiệu quả sản xuất, kinh doanh và có khống chế mức hưởng tối đa của Tổng giám đốc, Giám đốc so với mức tiền lương bình quân chung của người lao động (trừ trường hợp thành viên Ban điều hành được thuê làm việc theo hợp đồng lao động thì mức tiền lương được chi trả theo thỏa thuận trong hợp đồng lao động).

+ Đối với Thành viên hội đồng, Kiểm soát viên làm việc chuyên trách, tiền lương được xác định trên cơ sở mức lương cơ bản, tiền lương tăng thêm gắn với quy mô, mức độ phức tạp quản lý, hiệu quả sản xuất, kinh doanh, hiệu quả sử dụng vốn nhà nước; Thành viên hội đồng, Kiểm soát viên làm việc không chuyên trách hưởng thù lao theo thời gian làm việc thực tế. Trường hợp Thành viên hội đồng đồng thời đảm nhận chức danh Ban điều hành thì hưởng tiền lương theo chức danh Ban điều hành và thù lao theo chức danh Thành viên hội đồng làm việc không chuyên trách.

Phương pháp xác định quỹ tiền lương

Quỹ tiền lương của người lao động và Ban điều hành được xác định theo các phương pháp sau:

- Xác định quỹ tiền lương thông qua mức tiền lương bình quân.

- Xác định quỹ tiền lương thông qua đơn giá tiền lương ổn định. Phương pháp này chỉ áp dụng đối với doanh nghiệp đã có thời gian hoạt động ít nhất bằng thời gian dự kiến áp dụng đơn giá tiền lương ổn định theo quy định tại khoản 1 Điều 12 Nghị định này.

Trách nhiệm của doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ

- Tổng giám đốc, Giám đốc có trách nhiệm:

+ Xây dựng và báo cáo Hội đồng thành viên hoặc Chủ tịch công ty: Kế hoạch lao động, quỹ tiền lương của người lao động, Ban điều hành và mức tiền lương của từng thành viên Ban điều hành trước ngày 31/3 hàng năm; quỹ tiền thưởng của người lao động, quỹ thưởng của người quản lý doanh nghiệp, Kiểm soát viên trước ngày 30/5 hàng năm; thang lương, bảng lương, đơn giá tiền lương ổn định, quy chế trả lương của người lao động và Ban điều hành, quy chế thưởng của người lao động, quy chế thưởng của người quản lý doanh nghiệp, Kiểm soát viên.

+ Quyết định tạm ứng tiền lương, trích dự phòng tiền lương, trả lương đối với người lao động và Ban điều hành, trả thưởng đối với người lao động. Tuyển dụng, sử dụng lao động, xếp lương, nâng lương và thực hiện các chế độ khác đối với người lao động theo quy định của pháp luật lao động.

+ Định kỳ báo cáo Hội đồng thành viên hoặc Chủ tịch công ty tình hình lao động, tiền lương, tiền thưởng; cung cấp đầy đủ các báo cáo, tài liệu, số liệu về lao động, tiền lương, tiền thưởng theo yêu cầu của Trưởng Ban kiểm soát, Kiểm soát viên. Thực hiện công khai tiền lương, tiền thưởng của Ban điều hành theo quy định của pháp luật.

+ Tổng hợp tình hình lao động, tiền lương, thù lao, tiền thưởng năm trước liền kề và năm kế hoạch của doanh nghiệp và các công ty con (nếu có), gửi báo cáo cơ quan đại diện chủ sở hữu và Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội trước ngày 15/7 hằng năm.

- Hội đồng thành viên hoặc Chủ tịch công ty có trách nhiệm:

+ Báo cáo cơ quan đại diện chủ sở hữu: Mức tiền lương, thù lao của từng Thành viên hội đồng, Kiểm soát viên, quỹ tiền lương của người lao động và Ban điều hành năm trước liền kề trước ngày 15/4 hàng năm; quỹ tiền thưởng của người lao động, quỹ thưởng của người quản lý doanh nghiệp, Kiểm soát viên trước ngày 15/6 hàng năm; đơn giá tiền lương ổn định; bảng lương của Thành viên hội đồng, Kiểm soát viên làm việc chuyên trách; quy chế thưởng của người quản lý doanh nghiệp, Kiểm soát viên;

+ Phê duyệt kế hoạch lao động, quỹ tiền lương của người lao động và Ban điều hành trước ngày 15/4 hàng năm; quỹ tiền thưởng của người lao động trước ngày 30/6 hàng năm; ban hành thang lương, bảng lương của người lao động, Ban điều hành, bảng lương của Thành viên hội đồng, Kiểm soát viên làm việc chuyên trách; quy chế trả lương, quy chế thưởng; quyết định xếp lương, nâng lương đối với Ban điều hành, Thành viên hội đồng, Kiểm soát viên làm việc chuyên trách;

+ Gửi báo cáo cho cơ quan đại diện chủ sở hữu và Kiểm soát viên về kế hoạch lao động, thang lương, bảng lương của người lao động, Ban điều hành, quỹ tiền lương, quỹ tiền thưởng, quy chế trả lương, quy chế thưởng của người lao động, mức tiền lương, tiền thưởng của thành viên Ban điều hành, quy chế thưởng của người quản lý doanh nghiệp, Kiểm soát viên trong vòng 15 ngày kể từ ngày phê duyệt, ban hành để kiểm tra, giám sát. Thực hiện công khai tiền lương, tiền thưởng của Thành viên hội đồng theo quy định của pháp luật.

- Trưởng Ban kiểm soát, Kiểm soát viên có trách nhiệm giúp cơ quan đại diện chủ sở hữu kiểm tra, giám sát việc thực hiện của Hội đồng thành viên hoặc Chủ tịch công ty, Tổng giám đốc, Giám đốc theo quy định của pháp luật và quy định tại Nghị định này.

b. Trách nhiệm tổ chức triển khai VBQPPL

Ban Nhân lực (Tập đoàn) nghiên cứu, thực hiện.

5. Quyết định số 184/QĐ-BTTTT ngày 11/02/2025 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông về Danh mục văn bản quy phạm pháp luật hết hiệu lực, ngưng hiệu lực toàn bộ hoặc một phần thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Thông tin và Truyền thông năm 2024

Quyết định có hiệu lực thi hành kể từ ngày 11/02/2025.

a. Tóm tắt, nhấn mạnh một số nội dung VB/QPPL tác động đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Tập đoàn cần lưu ý

Ban hành Danh mục văn bản quy phạm pháp luật hết hiệu lực, ngưng hiệu lực toàn bộ hoặc một phần thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Thông tin và Truyền thông năm 2024 (Danh mục chi tiết của Quyết định số 184/QĐ-BTTTT đăng tải trên website Thư viện quy định).

b. Trách nhiệm tổ chức triển khai VBQPPL

Các Ban Tập đoàn, VNPT-IT, VNPT-Net, VNPT tỉnh/thành phố, VNPT-Vinaphone, VNPT-Media, Focal nghiên cứu, thực hiện.

6. Thông tư số 03/2025/TT-BLĐTB ngày 11/02/2025 của Bộ trưởng Bộ Lao động thương binh và xã hội quy định tiêu chuẩn phân loại lao động theo điều kiện lao động

Thông tư có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01/4/2025.

a. Tóm tắt, nhấn mạnh một số nội dung VBQPPL tác động đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Tập đoàn cần lưu ý

Phạm vi điều chỉnh

Thông tư quy định tiêu chuẩn phân loại lao động theo điều kiện lao động.

Đối tượng áp dụng

- Cơ quan, tổ chức, cá nhân thực hiện phân loại lao động theo điều kiện lao động.
- Người sử dụng lao động.

Loại điều kiện lao động

Điều kiện lao động gồm 6 loại như sau:

- + Loại I.
- + Loại II.
- + Loại III.
- + Loại IV.
- + Loại V.
- + Loại VI.

2. Nghề, công việc có điều kiện lao động được xếp loại I, II, III là nghề, công việc không nặng nhọc, không độc hại, không nguy hiểm; nghề, công việc có điều kiện lao động được xếp loại IV là nghề, công việc nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm; nghề, công việc có điều kiện lao động được xếp loại V, VI là nghề, công việc đặc biệt nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm.

Tiêu chuẩn, phương pháp phân loại điều kiện lao động

Loại điều kiện lao động quy định được đánh giá, xếp loại theo các phương pháp sau: Phương pháp đánh giá, tính điểm; Phương pháp khác (phương pháp thống kê, kinh nghiệm và phương pháp kết hợp).

Trách nhiệm của người sử dụng lao động:

Người sử dụng lao động phải kiểm soát các yếu tố nguy hiểm, yếu tố có hại theo quy định tại Chương II Nghị định số 39/2016/NĐ-CP ngày 15/5/2016 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật An toàn, vệ sinh lao động; căn cứ vào kết quả quan trắc môi trường lao động và kết quả phòng chống các yếu tố nguy hiểm, yếu tố có hại để đánh giá việc cải thiện điều kiện lao động của các nghề, công việc đang áp dụng; nếu cần xác định loại điều kiện lao động thì thực hiện theo phương pháp quy định tại Thông tư này.

b. Trách nhiệm tổ chức triển khai VBQPPL

Ban Nhân lực (Tập đoàn), VNPT-IT, VNPT-Net, VNPT tỉnh/thành phố, VNPT-Vinaphone, VNPT-Media, Focal nghiên cứu, thực hiện.

7. Thông tư số 06/2025/TT-BKHĐT ngày 12/02/2025 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư quy định mẫu văn bản liên quan đến thủ tục đầu tư đặc biệt

Thông tư có hiệu lực thi hành kể từ ngày 12/02/2025.

a. Tóm tắt, nhấn mạnh một số nội dung VBQPPL tác động đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Tập đoàn cần lưu ý

Phạm vi điều chỉnh

Thông tư này quy định các mẫu văn bản liên quan đến thủ tục đầu tư đặc biệt¹ quy định tại Điều 36a Luật Đầu tư, được sửa đổi bổ sung tại khoản 8 Điều 2 của Luật số 57/2024/QH15 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Quy hoạch, Luật Đầu tư, Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư và Luật Đấu thầu và điểm c khoản 2 Điều 6 của Luật số 57/2024/QH15.

Đối tượng áp dụng

- Nhà đầu tư thực hiện hoạt động đầu tư tại Việt Nam.
- Cơ quan có thẩm quyền quản lý nhà nước về đầu tư đối với hoạt động đầu tư tại Việt Nam.
- Tổ chức, cá nhân khác liên quan đến hoạt động đầu tư tại Việt Nam.

Mẫu văn bản liên quan đến thủ tục đầu tư đặc biệt

- Mẫu văn bản áp dụng đối với nhà đầu tư tại Mục I của Phụ lục.
- Mẫu văn bản áp dụng đối với cơ quan quản lý nhà nước về đầu tư tại Mục II của Phụ lục.

¹ Thủ tục đầu tư đặc biệt theo quy định tại Điều 36a Luật Đầu tư (được sửa đổi bổ sung bởi Luật số 57/2024/QH15 ngày 19/11/2024) quy định như sau:

Trừ các dự án đầu tư quy định tại Điều 30 của Luật này, nhà đầu tư được quyền lựa chọn đăng ký đầu tư theo quy định tại Điều này đối với dự án đầu tư tại khu công nghiệp, khu chế xuất, khu công nghệ cao, khu công nghệ thông tin tập trung, khu thương mại tự do và khu chức năng trong khu kinh tế trong các lĩnh vực sau đây:

- a) Đầu tư xây dựng trung tâm đổi mới sáng tạo, trung tâm nghiên cứu và phát triển (R&D); đầu tư trong lĩnh vực công nghiệp mạch tích hợp bán dẫn, công nghệ thiết kế, chế tạo linh kiện, vi mạch điện tử tích hợp (IC), điện tử linh hoạt (PE), chip, vật liệu bán dẫn;
- b) Đầu tư trong lĩnh vực công nghệ cao được ưu tiên đầu tư phát triển, sản xuất sản phẩm thuộc danh mục sản phẩm công nghệ cao được khuyến khích phát triển theo quyết định của Thủ tướng Chính phủ.

(Mẫu văn bản ban hành kèm Thông tư số 06/2025/TT-BKHĐT đăng tải trên website Thư viện quy định).

b. Trách nhiệm tổ chức triển khai VBQPPL

Ban Kế hoạch – Đầu tư, Chiến lược sản phẩm (Tập đoàn), VNPT-IT, VNPT tỉnh/thành phố, Trung tâm R&D nghiên cứu, thực hiện.

8. Thông tư số 08/2025/TT-BCA ngày 05/02/2025 của Bộ trưởng Bộ Công an về Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về cấu trúc thông điệp dữ liệu trao đổi với cơ sở dữ liệu tổng hợp quốc gia

Thông tư có hiệu lực thi hành kể từ ngày 10/8/2025.

a. Tóm tắt, nhấn mạnh một số nội dung VBQPPL tác động đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Tập đoàn cần lưu ý

Ban hành kèm theo Thông tư này Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về cấu trúc thông điệp dữ liệu trao đổi với Cơ sở dữ liệu tổng hợp quốc gia - QCVN 09:2025/BCA. *(Nội dung cụ thể của Quy chuẩn ban hành kèm Thông tư số 08/2025/TT-BCA đăng tải trên website Thư viện quy định).*

b. Trách nhiệm tổ chức triển khai VBQPPL

Ban Công nghệ (Tập đoàn), VNPT-IT nghiên cứu, thực hiện.